

Số: 10 /2019/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn của các công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 572/TTr-STC ngày 12/3/2019 về việc ban hành quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn của các công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định mức giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn của các công trình cấp nước nông thôn tập trung (được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước) dạng tự chảy và dạng bơm dẫn động lực đã được giao cho các đơn vị quản lý, vận hành, khai thác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

##### 2. Đối tượng áp dụng.

a) Các cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà

nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước) dạng tự chảy và bơm dẫn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Các tổ chức, cơ quan, hộ gia đình, cá nhân sinh sử dụng nước sạch của các công trình cấp nước nông thôn tập trung (được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, có nguồn gốc ngân sách nhà nước) dạng tự chảy và bơm dẫn trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

c) Các cơ quan có liên quan.

## **Điều 2. Mức giá tiêu thụ nước sạch**

1. Giá tiêu thụ nước sạch của các công trình cấp nước dạng tự chảy tại Công trình cấp nước Làng Nhùng, Khe Bó (xã Tam Quang), Cây Me (xã Thạch Giám), Bản Môn (xã Thạch Giám), xã Tam Thái của huyện Tương Dương và Công trình cấp nước xã Chi Khê (huyện Con Cuông) cung cấp là 2.500đ/m<sup>3</sup>

Mức giá này đã bao gồm thuế VAT, chi phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng (52đồng/m<sup>3</sup>), chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định và chi phí khấu hao.

2. Giá tiêu thụ nước sạch của các công trình cấp nước dạng bơm dẫn động lực cung cấp tại Công trình cấp nước xã Nghĩa Đồng (huyện Tân Kỳ); Minh Kính xã Minh Hợp, xã Tam Hợp, xã Nghĩa Xuân (huyện Quỳnh Hợp) là 6.500đ/m<sup>3</sup>

Mức giá này đã bao gồm thuế VAT, chi phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng (52đồng/m<sup>3</sup>) và chi phí khấu hao tài sản cố định là 500đ/m<sup>3</sup>; chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định.

3. Giá tiêu thụ nước sạch của các công trình cấp nước dạng bơm dẫn động lực cung cấp tại Công trình cấp nước xã Bảo Thành, Đồng Thành, Hồng Thành, Hợp Thành, Nhân Thành, Thọ Thành, Sơn Thành (huyện Yên Thành); xã Quỳnh Đồi, Quỳnh Thanh, Quỳnh Thạch (huyện Quỳnh Lưu); xã Diễn Thái, Diễn Đồng, Diễn Nguyên (huyện Diễn Châu); xã Nghi Lâm (huyện Nghi Lộc); công trình cấp nước sạch tập trung Hưng Thắng, Hưng Phúc, Hưng Tân, Long Thành, Diễn Yên do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý là 7.000đ/m<sup>3</sup>

Mức giá này đã bao gồm thuế VAT, chi phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng là 52đồng/m<sup>3</sup> và chi phí khấu hao tài sản cố định là 1.000đ/m<sup>3</sup>; chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định.

4. Chi phí nước thô đầu vào đối với được cơ cấu trong giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch tại khoản 2,3 điều này đối với các công trình sử dụng nguồn nước thô từ các công trình thủy lợi là 900đồng/m<sup>3</sup>.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thu, nộp, quản lý giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn;

b) Đơn đốc, theo dõi các đơn vị quản lý vận hành các công trình nông thôn tập trung nộp lại chi phí khấu hao công trình theo đúng quy định hiện hành của nhà nước;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện rà soát, đánh giá và phân loại công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

d) Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đề xuất phương án giá đối với các công trình cấp nước nông thôn hiện nay chưa thực hiện thu tiền, gửi Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định để trình UBND tỉnh xem xét và quyết định.

## 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá việc thực hiện giao công trình và phân loại; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phương án xử lý đối với các công trình nước sạch nông thôn tập trung theo quy định hiện hành.

3. Cục thuế tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn về chứng từ thu, nghĩa vụ thuế đối với nguồn thu này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về UBND tỉnh để nghiên cứu, giải quyết.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2019.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan và các đối tượng tiêu thụ nước sạch sinh hoạt, nước hợp vệ sinh tại khu vực nông thôn có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu VT, KT (Nam).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng